



Số: 04 /2017/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 242/TTr-SXD ngày 03 tháng 4 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2017 và thay thế Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân tỉnh ban hành Quy định về thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp; (Báo cáo)
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội địa phương;
- UB Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- HĐND và UBND huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh Tuyên Quang;
- Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Chuyên viên khối NCTH;
- Lưu: VT (Hg 250).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Thục

QUY ĐỊNH
VỀ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH TUYỀN QUANG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 25/4/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về cấp giấy phép xây dựng; điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy phép xây dựng và việc tổ chức thực hiện, trách nhiệm của các cơ quan, cá nhân liên quan đến công tác cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyền Quang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan cấp giấy phép xây dựng; các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài là chủ đầu tư xây dựng công trình; các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác cấp giấy phép xây dựng và thực hiện xây dựng công trình theo giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyền Quang.

Chương II
PHÂN CẤP CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Điều 3. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy phép xây dựng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016, gồm:

a) Công trình xây dựng cấp I, cấp II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng đã được xếp hạng; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thuộc địa giới hành chính tỉnh Tuyền Quang sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang;

b) Công trình nhà ở riêng lẻ từ 07 tầng trở lên và những công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị của các tổ chức, doanh nghiệp (Trụ sở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các công trình phụ trợ);

(Có phụ lục các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị kèm theo).

c) Công trình xây dựng trụ sở của các cơ quan, doanh nghiệp; cơ sở sản xuất, kinh doanh xây dựng trong khu đô thị mới và khu du lịch - nghỉ dưỡng;

d) Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng theo hình thức BOT, BTO, BT, PPP (không bao gồm công trình giao thông);

đ) Công trình xây dựng của các tổ chức, doanh nghiệp có yêu cầu về phòng cháy như: Cơ sở kinh doanh xăng dầu, khí đốt hóa lỏng, hóa chất dễ gây cháy, nổ; kho xăng, kho khí đốt hóa lỏng;

e) Công trình thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh; các công trình thuộc cụm công nghiệp;

g) Công trình nhà làm việc, nhà điều hành, nhà kho và các công trình khác phục vụ cho khai thác khoáng sản, khai thác vật liệu xây dựng (không bao gồm công trình khai thác);

h) Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, bao gồm: Nhà, trạm viễn thông; điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng; cột ăng ten công kênh; cột treo cáp viễn thông; hạ tầng kỹ thuật ngầm.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Tuyên Quang cấp giấy phép xây dựng cho các công trình thuộc phạm vi quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Bộ Xây dựng và các công trình quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình còn lại và nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn do mình quản lý, trừ các công trình xây dựng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Quyết định này.

Điều 4. Quy định đối với công trình cấp giấy phép xây dựng có thời hạn

1. Quy mô công trình: Công trình, nhà ở được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn không được xây dựng tầng hầm, tầng nửa hầm, phải bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ, kiến trúc, cảnh quan của khu vực, đáp ứng các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật và các quy định của pháp luật liên quan.

a) Nhà ở riêng lẻ: Diện tích xây dựng không quá 100 m², 01 tầng, chiều cao tối đa không quá 5,7 m (bao gồm cả chiều cao phần mái chống nóng).

b) Công trình khác: Diện tích sàn không quá 200 m², 01 tầng, chiều cao tối đa không quá 4,8 m (bao gồm cả chiều cao phần mái công trình).

2. Thời gian tồn tại đối với công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn: Theo thời gian thực hiện quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, lần đầu cấp tối đa không quá 5 năm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Sở Xây dựng

1. Tổ chức cấp giấy phép xây dựng công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp theo Quyết định này; kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm theo quy định.
2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi hoặc hủy giấy phép xây dựng thuộc thẩm quyền đối với trường hợp giấy phép xây dựng do cấp dưới cấp không đúng quy định.
3. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng định kỳ sáu tháng, một năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về công tác cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Tổ chức thực hiện cấp giấy phép xây dựng theo thẩm quyền, kiểm tra và xử lý vi phạm theo đúng quy định.
2. Căn cứ quy hoạch, thiết kế đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị cho đô thị đang quản lý (đô thị loại 2, 3 và các thị xã), trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức lập, phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị cho các thị trấn thuộc quyền quản lý theo quy định tại Thông tư số 19/2010/TT-BXD ngày 22/10/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng.
 - a) Những khu vực, tuyến phố không thuộc danh mục yêu cầu phải lập đồ án thiết kế đô thị, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố cấp giấy phép xây dựng theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
 - b) Quy định các khu vực ở nông thôn chưa có quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt.
3. Xác định vùng đã được phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng nhưng chưa triển khai thực hiện quy hoạch để làm cơ sở cho việc cấp giấy phép xây dựng có thời hạn.
4. Chỉ đạo các phòng chức năng; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện quy định của nhà nước về cấp giấy phép xây dựng; quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kiểm tra điều kiện khởi công xây dựng công trình và quản lý, xây dựng công trình theo giấy phép xây dựng được cấp trên địa bàn quản lý.

5. Báo cáo định kỳ 6 tháng, 01 năm hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về công tác cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

Điều 7. Ủy ban nhân dân cấp xã


1. Bố trí cán bộ tiếp nhận thông báo khởi công, xác nhận “đã tiếp nhận thông báo khởi công”; hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn chỉnh thông báo khởi công khi chưa đủ điều kiện và lập hồ sơ trích ngang các công trình xây dựng trên địa bàn để theo dõi, quản lý.

2. Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện quy định của Nhà nước về quản lý và cấp giấy phép xây dựng; niêm yết công khai điều kiện, trình tự và các thủ tục cấp giấy phép xây dựng tại trụ sở cơ quan, đồng thời thường xuyên phổ biến nội dung Quyết định này và các quy định của pháp luật liên quan đến công tác cấp giấy phép xây dựng trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Thực hiện các biện pháp cần thiết khi nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm đối với công trình xây dựng sai quy hoạch, xây dựng không có giấy phép hoặc không đúng với giấy phép xây dựng được cấp.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Các nội dung không quy định tại Quyết định này, thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014; Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp có vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp tổng hợp, đề xuất hướng giải quyết gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Thục



PHỤ LỤC

CÁC TUYẾN, TRỤC PHỐ CHÍNH TRONG ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Số TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)
I	Trung tâm huyện Lâm Bình			
1	Đường khu vực trung tâm huyện Lâm Bình	UBND xã Lăng Can	Thôn Nặm Đíp (Trường Tiểu học)	1,688
2	Đường giao thông nội thị	Chân đèo Khau Lắc	Đài Truyền thanh - Truyền hình	0,900
II	Thị trấn huyện Na Hang			
1	Đầu cầu cứng (tổ 2) - Tổ dân phố Hà Vị	Đầu cầu thủy văn (tổ 2)	Tổ dân phố Hà Vị	3,000
2	Ngã ba trung tâm văn hóa (cũ) - Ngã ba Công an	Sân vận động thị trấn Na Hang	Giao QL.2C (qua công UBND huyện)	1,650
3	Đầu cầu Nẻ - Ban quản lý đô thị (cũ)	Đầu cầu Nẻ	Cuối tổ dân phố 2	5,850
4	Đầu cầu Ba Đạo qua khu tái định cư Hang Khào - đầu cầu treo gốc Sáu	Tiếp giáp với QL.2C (Km 245+000)	Tiếp giáp với QL.279 (Km 112+800)	3,500
III	Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa			
1	Đường ĐT.190	Tổ nhân dân Đồng Tụ	Đầu cầu Chiêm Hóa	3,000
2	Đường ĐT.188	Đầu cầu Chiêm Hóa	Tổ nhân dân Đồng Đình	2,600
3	Đường nội thị	Đầu cầu Chiêm Hóa	Giáp xã Trung Hòa	0,800
4	Đường nội thị	Giáp đường ĐT.190	Giáp đường ĐT.188	0,900

IV	Thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên			
1	Từ ngã ba Kho bạc - Dốc Đền	Ngã ba Kho bạc	Ngã ba dốc Đền	1,700
2	Đường Quốc lộ 2	Km 173+500	Km 179+000	5,500
3	Đường cầu Tân Yên	Bưu điện Hàm Yên	Đầu cầu Tân Yên	3,000
V	Thị trấn huyện Yên Sơn			
1	Đường tránh Quốc lộ 2	Đầu cầu Thăng Quân	Km 15 QL.2	3,057
2	Đường cứu hộ cứu nạn	Đầu cầu Nghĩa Trung	Km 15 QL.2	3,235
3	Đường trục chính	Km 10+000 QL.2	Nhà máy chè Quang Minh	2,729
VI	Thị trấn huyện Sơn Dương			
1	Đường Quốc lộ 2C	Km 80+000	Km 82+200	2,200
2	Đường 13B	Ngã ba Hạt giao thông (Km 184+600 QL.37)	Ngã ba Thịnh Tiến	1,000
3	Đường Quốc lộ 37	Km 182+800	Km 188+200	5,400
VII	Thành phố Tuyên Quang			
1	Đường Tân Trào	Đường 17/8	Hết địa phận thành phố	2,040
2	Đường 17/8	Đường Trường Chinh	Đường Chiến Thắng sông Lô	1,500
3	Đường Bình Thuận	Đường 17/8	Đường Lê Đại Hành	4,900
4	Đường Chiến Thắng sông Lô	Đường 17/8 (ngã ba khách sạn Lô Giang)	Đầu cầu Chả (cũ)	1,000
5	Đường Lý Thái Tổ	Đường Bình Thuận	Đường Trường Chinh	1,700

6	Đường Trường Chinh	Đường 17/8	Hết địa phận thành phố	1,800
7	Đường Phạm Văn Đồng	Đầu cầu Chả (mới)	Ngã ba Bình Thuận	1,200
8	Đường trung tâm hành chính thành phố	Đường gom QL.2 tránh	Thôn Viên Châu, xã An Tường	4,500
9	Đường Tôn Thất Tùng	Đường Lê Duẩn	Đường 17/8	0,700
10	Đường Quang Trung	Đường 17/8	Đường Chiến Thắng sông Lô	3,970
11	Đường Lê Lợi kéo dài (Lý Thái Tổ đi cầu Gạo)	Đường Lê Lợi	Đường Nguyễn Tất Thành	2,000
12	Đường Lê Đại Hành	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Bình Thuận	1,900
13	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường QL.2 (cũ)	Đường Trường Chinh	8,000
14	Quốc lộ 2 (cũ)	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Nguyễn Tất Thành	5,000